
3. Hoàn thành công việc này nhanh chóng là trách nhiệm của tất cả thành viên trong dự án.

- complete (t) hoàn thành
 - project member (c) thành viên dự án
 - responsibility (c/u) trách nhiệm
-
-

b. Tân ngữ của động từ

Sau động từ to be và một số động từ thường khác (avoid, stop, enjoy, dislike, finish....) chúng ta có thể dùng V-ing như một tân ngữ trực tiếp.

- His favourite is **travelling around the world**. (Sở thích của anh ấy là du lịch vòng quanh thế giới)
- I enjoy **taking part in outdoor activities**. (Tôi thích tham gia vào các hoạt động ngoài trời)

Bài tập

Sử dụng từ vựng được cho sẵn hãy viết hoàn chỉnh những câu dưới đây.

1. Nhiệm vụ chính của chúng ta là duy trì sự ổn định kinh tế của khu vực này.

- main (adj) chính
 - stability (u) sự ổn định
 - task (c) nhiệm vụ
 - economic (adj) kinh tế
 - maintain (t) duy trì
-
-

2. Mọi người nên tránh giao tiếp với những người lạ trong giai đoạn này.

- avoid (t) tránh
 - stranger (c) người lạ
 - communicate (i) giao tiếp
 - period (c) giai đoạn
-

3. Chính phủ nên tạm thời dừng việc trao đổi hàng hóa với các nước lân cận.

- | | |
|------------------------------|---|
| - stop (t) dừng | - goods (plr) hàng hóa |
| - temporarily (adv) tạm thời | - neighbouring=nearby (adj) lân cận, bên cạnh |
| - exchange (t) trao đổi | |
-
-

c. Tân ngữ của giới từ

Giống như danh từ, dạng ing có thể dùng sau tất cả giới từ.

Ex:

- They are talking **about** moving to another country.
(Họ đang nói về việc chuyển đến một quốc gia khác)
- I am very interested **in** starting a business.
(Tôi rất hứng thú với việc mở một cơ sở kinh doanh)
- He was punished **for** violating traffic regulations.
(Anh ấy bị phạt vì vi phạm luật giao thông)

1. Năm sau chúng tôi sẽ chỉ tập trung vào việc phát triển những sản phẩm nông nghiệp.

- | | |
|---|----------------------------------|
| - focus (on) = concentrate (on) (i) tập trung | - product (c) sản phẩm |
| | - agricultural (adj) nông nghiệp |
-
-

2. Nhiều người chỉ quan tâm đến lợi ích cá nhân mà không chú ý đến cảm xúc của người khác.

- | | |
|--------------------------------------|---------------------------------|
| - benefit = interest (c) lợi ích | - pay attention to: chú ý đến |
| - individual (adj) personal: cá nhân | - feeling = emotion (c) cảm xúc |
| - without (pre) mà không | |